ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1551 /TTr-UBND	*Cao Bằng, ngày 17 tháng 6 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019 quy định về việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và ban hành Nghị quyết cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục. Tại điểm b, khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019 quy định: *"Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".*

Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021), quy định *"Quản lý nhà nước về giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo ...Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương".*

Tại điểm a, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định khung học phí 2022-2023 (mức sàn - mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên... *"Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm*

quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí",

Tại điểm a, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định *"Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm".*

Tại khoản 4 Điều 13 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định quản lý và sử dụng học phí *"Cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh hoặc xét tuyển phải công bố, công khai mức thu học phí, chi phí đào tạo cho từng năm học, cấp học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, lộ trình tăng học phí (nếu có) cho từng năm học và dự kiến cho cả khóa học đối với giáo dục đại học".*

Tại khoản 3, điều 31 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP nêu rõ *"Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung và mức tăng học phí hằng năm không quá 7,5%/năm từ năm học 2023 - 2024...".*

Do vậy, việc ban hành Nghị quyết Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng tại kỳ họp tháng 7, HĐND tỉnh khóa XVII là cần thiết, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nghị quyết ban hành quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là căn cứ để các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện việc thu học phí, căn cứ hỗ trợ để thực hiện cấp bù miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc đối tượng chính sách.

2. Quan điểm chỉ đạo

Nội dung của Nghị quyết phải đảm bảo đúng theo nguyên tắc xác định học phí quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: Mức thu học phí được xây dựng theo nguyên tắc chia sẻ giữ nhà nước và người học, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế

hàng năm, lộ trình tính giá dịch vụ giáo dục, đào tạo theo quy định và bảo đảm chất lượng giáo dục. Nội dung của Nghị quyết phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương đối với từng địa bàn dân cư khu vực thành thị, nông thôn và miền núi, đảm bảo tính hợp lý, tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng trong thực tế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai công văn số 789/UBND-TH ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao nhiệm vụ xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trình kỳ họp tháng 7 năm 2022 và Công văn số 1173/UBND-TH ngày 15 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo báo cáo, nghị quyết trình kỳ họp thường lệ giữa năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng căn cứ theo nguyên tắc xác định học phí tại Khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định: Đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập: Mức thu học phí được xây dựng theo nguyên tắc chia sẻ giữ nhà nước và người học, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm, lộ trình tính giá dịch vụ giáo dục, đào tạo theo quy định và bảo đảm chất lượng giáo dục.

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương đối với từng địa bàn dân cư khu vực thành thị, nông thôn và miền núi, đảm bảo tính hợp lý, tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng trong thực tế đối với Nghị quyết. Vì vậy, cơ quan soạn thảo xây dựng dự thảo theo mức học phí cụ thể và chia theo vùng.

Phân vùng địa bàn dân cư: Phân vùng xã, phường, thị trấn để xác định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn đó, mức thu học phí chia thành 3 vùng:

Thành thị: Các phường thuộc thành phố Cao Bằng và thị trấn các huyện.

Nông thôn: Các xã thuộc thành phố Cao Bằng; các xã khu vực II thuộc huyện.

Miền núi: Các xã còn lại thuộc huyện.

* Các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Mức thu học phí năm học 2022 - 2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, dựa trên mức thấp nhất (mức sàn) của khung học phí tại điểm a, khoản 2, Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và giữ nguyên một số mức thu đang thực hiện thu trong năm học 2021-2022 mà trên mức thấp nhất (mức sàn) của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 (như trường Mầm non: 3-10; 1-6 thuộc khu vực thành thị và các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia khu vực nông thôn).

Từ năm học 2023-2024 trở đi, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân, nếu thấy cần thiết đề nghị trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh mức thu học phí cho phù hợp nhưng không quá 7,5%/năm. Trường hợp không điều chỉnh thì hướng dẫn thực hiện theo mức thu như năm học 2022-2023.

Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai Công văn số 622/SGD&ĐT-KH ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc xin ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, gửi các đơn vị gồm: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và Công văn số số 623/SGD&ĐT-KH ngày 22 tháng 4 năm 2022 xin ý kiến đóng góp và phản biện xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng.

2. Trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý của các sở, ban, ngành và các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình Sở Tư pháp thẩm định.

3. Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 111/BCTĐ-STP ngày 10 tháng 6 năm 2022 về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 -

2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Báo cáo số 125/BCTĐ-STP ngày 17 tháng 6 năm 2022 Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2).

4. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 1311/STC-QLG ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc thẩm định Phương án mức thu học phí đối với lĩnh vực giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Điều và Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng kèm theo Nghị quyết, cụ thể:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Trách nhiệm triển khai Nghị quyết.

Điều 3. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết và hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

b) Đối tượng áp dụng:

- Trẻ em đang học tại các trường mầm non công lập;

- Học sinh đang học tại các trường phổ thông công lập (cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông);

- Học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông;

- Các trường mầm non (mẫu giáo), phổ thông công lập (cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông); các đơn vị có chức năng giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

c) Mức thu học phí tại các trường mầm non (mẫu giáo), phổ thông công lập lập (cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông) chương trình giáo dục đại trà theo Quy định kèm theo.

d) Mức thu học phí đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên được thu theo mức thu học phí theo chương trình phổ thông đại trà trên cùng địa bàn.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Gửi kèm theo Tờ trình các văn bản:

(1) Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

(2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các ý kiến góp ý cho dự thảo Nghị quyết;

(3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;

(4) Báo cáo thẩm định của Sở Tài chính;

(5) Báo cáo của cơ quan chủ trì xây dựng Nghị quyết về việc giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban KT&NS, Ban VHXH HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; CV: TH,VX;
- Lưu: VT, VX(VA).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

BẢN THUYẾT MINH

Về việc xây dựng nghị quyết quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo tờ trình số: 1551/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh)

A. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019 đã quy định về việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và ban hành Nghị quyết cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục. Tại điểm b, khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019 quy định: *"Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".*

Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021), quy định "Quản lý nhà nước về giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo ...*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương".*

Tại điểm a, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định khung học phí 2022-2023 (mức sàn - mức trần) đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên..."*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định trên để quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc thẩm quyền và quyết định việc sắp xếp, phân loại các vùng trên địa bàn để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí*",

Tại điểm a, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định *"Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm".*

Tại khoản 4 Điều 13 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định quản lý và sử dụng học phí *"Cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh hoặc xét tuyển phải công bố, công khai mức thu học phí, chi phí đào tạo cho từng năm học, cấp học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, lộ trình tăng học phí (nếu có) cho từng năm học và dự kiến cho cả khóa học đối với giáo dục đại học".*

Tại khoản 3, điều 31 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP nêu rõ *"Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung và mức tăng học phí hằng năm không quá 7,5%/năm từ năm học 2023 - 2024...".*

Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và ban hành Nghị quyết Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng tại kỳ họp tháng 7, HĐND tỉnh khóa XVII là cần thiết và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, làm căn cứ để các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện việc thu học phí năm học 2022 - 2023.

B. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của nghị quyết

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

b) Đối tượng áp dụng:

- Trẻ em đang học tại các trường mầm non công lập;

- Học sinh đang học tại các trường phổ thông công lập (cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông);

- Học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên;

- Các trường mầm non (mẫu giáo), phổ thông công lập (cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông); các đơn vị có chức năng giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Nội dung chính của nghị quyết

a) Mức thu học phí tại các trường mầm non (mẫu giáo), phổ thông công lập (cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông) chương trình giáo dục đại trà theo Quy định kèm theo.

b) Mức thu học phí đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên được thu theo mức thu học phí theo chương trình phổ thông đại trà trên cùng địa bàn.

c) Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND ngày 05/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí của các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề công lập do địa phương quản lý từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-

2021 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 kỳ họp thứ 2 Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026.

*** Thuyết minh căn cứ xây dựng Nghị quyết**

- Nguyên tắc xác định mức học phí theo năm học

Căn cứ theo nguyên tắc xác định học phí quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: Mức thu học phí được xây dựng theo nguyên tắc chia sẻ giữa nhà nước và người học, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm, lộ trình tính giá dịch vụ giáo dục, đào tạo theo quy định và bảo đảm chất lượng giáo dục;

Tại điểm a, khoản 2, Điều 28 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định, mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông từ năm học 2022-2023 như sau *"cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chưa tự đảm bảo chi thường xuyên: Tối đa bằng mức trần học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9. Từ năm học 2023-2024 trở đi, mức trần giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông được điều chỉnh đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương và khả năng chi trả của người dân nhưng tối đa không vượt 7,5%/năm"*;

Tại khoản 3, điều 31 của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP nêu rõ *"Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và các chỉ số lạm phát, tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung và mức tăng học phí hằng năm không quá 7,5%/năm từ năm học 2023 - 2024; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập xác định mức học phí tương ứng với mức độ tự chủ tài chính và kiểm định chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 11, mức tăng học phí không quá 12,5%/năm từ năm học 2026 - 2027"*.

- Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương đối với từng địa bàn dân cư khu vực thành thị, nông thôn và miền núi, đảm bảo tính hợp lý, tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng trong thực tế đối với Nghị quyết. Vì vậy, cơ quan soạn thảo xây dựng dự thảo theo mức học phí cụ thể và chia theo vùng.

- Phân vùng:

Phân vùng xã, phường, thị trấn để xác định mức thu học phí của các trường mầm non, phổ thông trên địa bàn đó, mức thu học phí chia thành 3 vùng:

Thành thị: Các phường thuộc thành phố Cao Bằng và thị trấn các huyện.

Nông thôn: Các xã thuộc thành phố Cao Bằng; các xã thuộc huyện không bao gồm các xã khu vực III.

Miền núi: Các xã khu vực III, các xóm đặc biệt khó khăn thuộc các xã, phường khu vực I, khu vực II.

* Các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ những nội dung trên, Cơ quan chủ trì xây dựng Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành mức học phí năm học 2022 - 2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Mức thu học phí năm học 2022 - 2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, dựa trên mức thấp nhất (mức sàn) của khung học phí tại điểm a, khoản 2, Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và giữ nguyên một số mức thu đang thực hiện thu trong năm học 2021-2022 mà trên mức thấp nhất (mức sàn) của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 (như trường Mầm non: 3-10; 1-6 thuộc khu vực thành thị và các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia khu vực nông thôn).

Từ năm học 2023-2024 trở đi, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân, nếu thấy cần thiết đề nghị trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh mức thu học phí cho phù hợp nhưng không quá 7,5%/năm. Trường hợp không điều chỉnh thì hướng dẫn thực hiện theo mức thu như năm học 2022-2023.

Mức thu học phí của từng vùng địa bàn dân cư với mức thu khác nhau đảm bảo công bằng và tương xứng với nguồn ngân sách nhà nước đã đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục.

3. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảo bảo cho việc thi hành nghị quyết

- Nguồn thu học phí: Thu từ trẻ em đang học tại các trường mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2022-2023.

- Đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: Giao trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện cho Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

C. THỜI GIAN DỰ KIẾN ĐỀ NGHỊ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XEM XÉT THÔNG QUA

Thời gian dự kiến trình Hội đồng nhân dân thông qua Nghị quyết tại kỳ họp tháng 7 năm 2022, HĐND tỉnh khóa XVII.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2022/NQ-HĐND	*Cao Bằng, ngày tháng năm 2022*

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND ngày 05/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí của các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề công lập do địa phương quản lý từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 kỳ họp thứ 2 Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, kỳ họp tháng 7 thông qua ngày tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm.../.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Trung tâm thông tin VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, (b).

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em đang học tại các trường mầm non công lập.

2. Học sinh đang học tại các trường phổ thông công lập (cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông).

3. Học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

4. Các trường mầm non (mẫu giáo), phổ thông công lập (cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông); các đơn vị có chức năng giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Mức thu học phí tại các trường mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà

1. Mức thu học phí năm học 2022-2023 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/học sinh/tháng

STT	Các trường trên địa bàn	Mầm non	Phổ thông	Ghi chú
I	**Thành thị: Các trường trên địa bàn phường thuộc thành phố và thị trấn các huyện** *(không bao gồm các trường thuộc thị trấn khu vực III)*			
1	Các trường mầm non			
1.1	Trường mầm non 3-10 phường Hợp Giang	347		
1.2	Trường mầm non 1-6 phường Hợp	315		

STT	Các trường trên địa bàn	Mầm non	Phổ thông	Ghi chú
	Giang			
1.3	Trường mầm non thuộc các phường còn lại và thị trấn các huyện	300		
2	Các trường phổ thông (cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông)		300	
II	**Nông thôn: Các trường trên địa bàn xã thuộc thành phố, các xã thuộc huyện** *(không bao gồm các xã khu vực III, các thôn, xóm đặc biệt khó khăn thuộc các xã, phường khu vực II, khu vực I)*			
1	Các trường mầm non *(đạt chuẩn quốc gia)*	139		
2	Các trường mầm non còn lại và các trường phổ thông cấp trung học cơ sở	100	100	
3	Các trường cấp trung học phổ thông		200	
III	**Miền núi** *(Bao gồm các trường thuộc xã, thị trấn khu vực III, các thôn, xóm đặc biệt khó khăn thuộc các xã, phường khu vực II, khu vực I)*			
1	Các trường mầm non, các trường phổ thông cấp trung học cơ sở	50	50	
2	Các trường cấp trung học phổ thông		100	

(Các xã khu vực III; khu vực II; khu vực I tỉnh Cao Bằng thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ).

2. Số thu học phí được để lại đơn vị sử dụng 100% sau khi đã trừ đi nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

3. Mức thu học phí trên áp dụng đối với hình thức học trực tiếp và trực tuyến (Online).

4. Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường) nếu không học đủ cả tháng, việc xác định thời gian thu học phí được tính như sau: Trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 15 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu học phí 1/2 tháng (tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế); trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 15 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu đủ tháng (tương ứng với mức học

phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế). Đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí không vượt quá 9 tháng/năm học.

5. Từ năm học 2023-2024 trở đi, Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân, nếu thấy cần thiết đề nghị trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh mức thu học phí cho phù hợp nhưng không quá 7,5%/năm. Trường hợp không điều chỉnh thì hướng dẫn thực hiện theo mức thu như năm học 2022-2023.

Điều 4. Mức thu học phí đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên được thu theo mức thu học phí theo chương trình phổ thông đại trà trên cùng địa bàn.

Điều 5. Các nội dung khác không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản hướng dẫn thực hiện./.

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 882/SGD&ĐT-KH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 23 tháng 5 năm 2022

BẢN TỔNG HỢP

Ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Thực hiện theo trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Giáo dục và Đào tạo đã gửi dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng và ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố; phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Sở Giáo dục và Đào tạo đã nhận được ý kiến góp ý của 47 cơ quan, đơn vị; trên cơ sở các ý kiến góp ý, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, giải trình ý kiến tiếp thu như sau:

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
	Ý kiến phản biện xã hội			
1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng	1. Về nội dung cụ thể: ...để đảm bảo nguyên tắc xác định học phí (quy định tại khoản 1, Điều 8) cũng như hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của tỉnh và khả năng chi trả của người dân, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn	1. Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa mức thu ở mức thấp nhất (mức sàn) theo khung học phí được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 9, Nghị định 81/2021/NĐ-CP.	

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
		tỉnh Cao Bằng ở mức thấp nhất (mức sàn) theo khung học phí được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 9, Nghị định 81/2021/NĐ-CP.		
		2. Về hình thức ban hành Nghị quyết: Đề nghị xem xét điều chỉnh Dự thảo theo hình thức: *Nghị quyết quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng* để phù hợp với nội dung Nghị quyết.	2. Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa điều chỉnh tên Dự thảo thành: *Nghị quyết quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.*	
	Ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị			
2	Sở Tư pháp	- Tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định *"Trường hợp học trực tuyến (học online), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý trên cơ sở chi phí phát sinh thực tế hợp lý, tối đa bằng mức học phí của cơ sở giáo dục đã được ban hành."*	Nhất trí tiếp thu và bổ sung mức thu học phí đối với trường hợp học trực tuyến *(học online)* vào Điều 3 của dự thảo Nghị quyết	
		- Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định *"Trường hợp*		

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
		xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường); không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học. Mức thu học phí đảm bảo nguyên tắc theo số tháng thực học và chi phí phát sinh cần thiết để tổ chức dạy học nhưng không vượt quá tổng thu học phí tính theo số tháng tối đa của 01 năm học (tối đa 9 tháng/năm đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và tối đa 10 tháng/năm đối với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp) và	Nhất trí tiếp thu và bổ sung mức học phí trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng vào Điều 3 của dự thảo Nghị quyết	
		công khai từ đầu năm học trong các cơ sở giáo dục. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định cụ thể thời gian thu, mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định thời gian thu, mức học phí trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng."		

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
3	Sở Tài chính	1. Dự thảo Nghị quyết có một số mức thu tăng lên so với các mức thu đang thực hiện tại Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, Sở Tài chính chưa nhận được phương án xây dựng mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 để tiến hành thẩm định nên chưa có căn cứ để đóng góp ý kiến đối với các mức thu tại Dự thảo Nghị quyết.	Dự thảo Nghị quyết có một số mức thu tăng lên so với các mức thu đang thực hiện, giải trình lý do như sau: - Mức thu học phí năm học 2020-2021 được quy định tại Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, được xây dựng trên khung học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông tại Điều 4 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, đã bị bãi bỏ bởi Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. - Đối với mức thu học phí năm học 2022-2023 cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo nghị quyết căn cứ trên khung học phí được quy định rõ tại điểm a, khoản 2, Điều 9, Nghị đinh số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Theo đó, mức thu học phí năm	

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
			học 2022-2023 cũng tăng lên theo quy định; - Về phương án xây dựng mức thu học phí, cơ quan soạn thảo đang xây dựng mức thu thấp nhất (mức sàn) theo điểm a, khoản 2, Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. - Việc xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương án xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Phương án giá phải tiến tới tính đúng, tính đủ chi phí thành phần bao gồm chi phí tiền lương, chi phí vật tư, chi phí quản lý, chi phí khấu hao/hao mòn tài sản cố định (tích lũy đầu tư) và các chi phí, quỹ khác. Sở GD&ĐT đang nghiên cứu tiến hành xây dựng dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật.	
		2. Đối với mức thu học phí đối với giáo dục nghề nghiệp Đề nghị bỏ quy định đối với mức thu học phí đối với giáo dục nghề nghiệp tại Điều 5 của Quy định Dự thảo, sửa lại như sau: *" Điều 5. Các nội dung khác không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân vàchính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục,*	Nhất trí tiếp thu chỉnh sửa	

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
		đào tạovà các văn bản hướng dẫn thực hiện./.”		
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
6	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
7	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
8	Sở Ngoại vụ	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
10	Sở Xây dựng	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
11	Sở Nội vụ	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
13	Sở Giao thông vận tải	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
14	Sở Công Thương	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
16	Sở Y tế	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
17	Ban quản lý Khu kinh tế	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
18		1. Giữ nguyên mức thu học phí theo Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, đối với các nội dung sau: + Phần I "Thành thị: Các phường thuộc thành phố, thị trấn các huyện", mục 1.1.1. trường mầm non 3-10 và mục 1.2.1. trường MN 1-6 thuộc phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng;	Nhất trí tiếp thu giữ nguyên mức học phí Phần I "Thành thị: tại trường mầm non 3-10, trường MN 1-6 thuộc phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng và Phần II "Nông thôn: tại các trường mầm non, các trường phổ thông cấp trung học cơ sở (đạt chuẩn quốc gia) theo Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Lý do, vì các mức thu tại các trường trên đã cao hơn mức thấp nhất (mức sàn) tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021	
		+ Phần II "Nông thôn: Các xã thuộc thành phố, các xã thuộc huyện", mục 1. các trường mầm non, các trường phổ thông cấp trung học cơ sở (đạt chuẩn quốc gia).		
	Ủy ban nhân dân Thành phố Cao Bằng	2. Đề nghị tăng mức thu học phí theo mức thấp nhất tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá	Nhất trí tiếp thu chỉnh sửa mức thu theo mức thấp nhất (mức sàn) tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021	

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
		dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, đối với các nội dung sau: + Phần I "Thành thị: Các phường thuộc thành phố, thị trấn các huyện", tại các mục: Mục 1.1.2. Các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia thuộc các phường còn lại; Mục 1.2.2. Các trường mầm non chưa đạt chuẩn quốc gia thuộc các phường còn lại; Mục 1.3.1. Các trường Trung học cơ sở thuộc phường Hợp Giang; Mục 1.3.2. Các trường phổ thông (cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông) thuộc các phường còn lại; + Phần II "Nông thôn: Các xã thuộc thành phố, các xã thuộc huyện", mục 2. Các trường mầm non, các trường phổ thông cấp trung học cơ sở còn lại và mục 3. Các trường cấp trung học phổ thông; + Phần III "Miền núi (Các xã khu vực III, các xóm đặc biệt khó khăn thuộc các xã, phường khu vực I, khu vực II)" tại mục 1. Các trường mầm non, các trường phổ thông cấp trung học cơ sở và mục 2. Các trường cấp trung học phổ thông		
19	Ủy ban nhân dân huyện Hòa An	Tại mục 2.1 các trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia, giữ nguyên mức thu thấp nhất theo Nghị định 81/2011/NĐ-CP là 300.000đ. Các nội dung khác nhất trí theo Dự thảo Nghị quyết.	Nhất trí tiếp thu chỉnh sửa mức thu theo mức thấp nhất (mức sàn) tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021	

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
20	Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
21	Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
22	Phòng Giáo dục và Đào tạo Bảo Lạc	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
23	Phòng Giáo dục và Đào tạo Hà Quảng	Giữ mức thu học phí như năm học 2021-2022 (theo Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng, Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân tỉnh Cao Bằng) vì trên địa bàn huyện Hà Quảng tỉ lệ hộ nghèo còn cao (38,92%), nhân dân chủ yếu làm nông nghiệp, không có nguồn thu, thu nhập không đảm bảo, nếu áp dụng mức thu học phí mới theo dự thảo sẽ ảnh hưởng đến việc vận động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số học sinh cũng như công tác phổ cập, xóa mù chữ trên địa bàn huyện	- Không tiếp thu ý kiến - Lý do: Mức thu tại Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng được xây dựng trên khung học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông tại Điều 4 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, đã bị bãi bỏ bởi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Vì vậy, giữ nguyên toàn bộ các mức thu theo Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng là không còn phù hợp cho năm học 2022-2023.	
24	Phòng Giáo dục và Đào tạo Hòa An	Các trường Mầm non thuộc thị trấn đề xuất: Tại mục 2.1 các trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia, giữ nguyên mức thu thấp nhất theo Nghị định 81/2011/NĐCP là 300.000đ.	Nhất trí tiếp thu chỉnh sửa mức thu theo mức thấp nhất (mức sàn) tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
		Các nội dung khác nhất trí 100%.		
25	Phòng Giáo dục và Đào tạo Bảo Lâm	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
26	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quảng Hòa	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
27	Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
28	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Bảo Lạc	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
29	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Hạ Lang	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
30	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Hòa An	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
31	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS Phục Hòa	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
32	Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
33	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trùng Khánh	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
34	Trường Trung học phổ thông Bảo Lạc	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
35	Trường Trung học phổ thông Bảo Lâm	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
36	Trường Trung học phổ thông Bằng Ca	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
37	Trường Trung học phổ thông Cách Linh	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
38	Trường Trung học phổ thông Canh Tân	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
39	Trường Trung học phổ thông Đống Đa	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
40	Trường Trung học phổ thông Hòa An	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
41	Trường Trung học phổ thông Nà Bao	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
42	Trường Trung học phổ thông Nà Giàng	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
43	Trường Trung học phổ thông Phục Hòa	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
44	Trường Trung học phổ thông Quang Trung	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
45	Trường Trung học phổ thông Quảng Uyên	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
46	Trường Trung học phổ thông Trà Lĩnh	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
47	Phòng Giáo dục trung học-Sở GD&ĐT	Đề nghị bổ sung nội dung sau: Điều 3 trong Dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết về thời gian thu, mức học phí để đáp ứng với điều kiện diễn biến thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng (nếu có), cụ thể: Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường) không đủ cả tháng, việc xác định thời gian thu học phí được tính như sau: Trường học thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 15 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu học phí 1/2 tháng (tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế); trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 15 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu đủ tháng tháng (tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế). Đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí không vượt quá 9 tháng/năm học.	Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung	

STT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của cơ quan soạn thảo	Ghi chú
48	Tổ soạn thảo	Bổ sung thêm vào quy định của dự thảo Nghị quyết *"Từ năm học 2023-2024 trở đi, Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân, nếu thấy cần thiết đề nghị trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh mức thu học phí cho phù hợp nhưng không quá 7,5%/năm. Trường hợp không điều chỉnh thì hướng dẫn thực hiện theo mức thu như năm học 2022-2023".*	Nhất trí bổ sung theo điểm a, khoản 3, Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.	

Trên đây là tổng hợp các ý kiến góp ý của các tổ chức, đơn vị đối với dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC

Ký bởi: Sở Giáo dục và Đào tạo
Email: vanphong.socaobang@moet.edu.vn
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng
Thời gian ký: 24/05/2022 10:26:48

Vũ Văn Dương

3

UBND TỈNH CAO BẰNG **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 125 /BCTĐ-STP	*Cao Bằng, ngày 17 tháng 6 năm 2022*

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 -2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2)

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1065/SGD&ĐT-KH ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng về việc đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2);

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết tại Báo cáo số 111/BCTĐ-STP, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về xây dựng phương án mức thu học phí, gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định; sau khi có kết quả thẩm định của Sở Tài chính về phương án mức thu học phí, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết. Qua nghiên cứu dự thảo Nghị quyết (gửi thẩm định lần 2), Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên

- Các mức thu học phí năm học 2022-2023 trong dự thảo Nghị quyết được phù hợp với quy định của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

- Tại khoản 3 Điều 3 của dự thảo Quy định "*Mức thu học phí trên áp dụng đối với hình thức học trực tiếp và trực tuyến (online)*", tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, quy định mức học phí giữa hai hình thức này cho phù hợp, vì mỗi hình thức học có những đặc thù khác nhau.

3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Kết luận

Qua thẩm định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung nêu trên để dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đủ điều kiện trình HĐND tỉnh.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:
- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các PGĐ Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDVB&PBGDPL.

GIÁM ĐỐC

Ký bởi: Sở Tư pháp
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng
Thời gian ký: 17/06/2022 08:55:38

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH CAO BẰNG

Bàn Thanh Hiền

UBND TỈNH CAO BẰNG **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 111/BCTĐ-STP	*Cao Bằng, ngày 10 tháng 6 năm 2022*

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 -2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 876/SGD&ĐT-KH ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng về việc đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, ngày 07/6/2022, Sở Tư pháp đã tổ chức cuộc họp tư vấn thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết (gồm đại diện Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng UBND tỉnh; mời đại diện Ban Pháp chế, Ban Văn hóa, HĐND tỉnh- vắng mặt do trùng lịch tiếp xúc cử tri). Trên cơ sở các ý kiến tại cuộc họp và qua nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên

- Các mức thu học phí năm học 2022-2023 trong dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở so sánh, đối chiếu với mức thu học phí tại Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh và quy định ở mức thấp nhất (mức sàn) theo khung học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Tuy nhiên, Sở Giáo dục và Đào tạo chưa xây dựng được phương án thu học phí theo theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập *"Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế -*

*kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề"*do đó, trong trường hợp này, do chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật nên cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tính toán theo mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề để làm cơ sở xác định phương án xây dựng mức thu học phí.

- Tại khoản 3 Điều 3 của dự thảo Quy định "Mức thu học phí trên áp dụng đối với hình thức học trực tiếp và trực tuyến (online)", tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định mức học phí giữa hai hình thức này cho phù hợp, vì mỗi hình thức học có những đặc thù khác nhau.

- Tại số thứ tự thứ 3 mục II khoản 1 Điều 3 dự thảo Quy định có quy định "*Các trường **cấp** trung học phổ thông*" và số thứ tự thứ hai mục III khoản 1 Điều 3 dự thảo quy định "*Các trường trung học phổ thông*" là chưa thống nhất. Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa cho thống nhất.

3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, tại tên dự thảo Nghị quyết cơ quan soạn thảo cần bổ sung cụm từ "Ban hành" trước cụm từ "Quy định" để thống nhất với Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

4. Kết luận

Qua thẩm định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa các nội dung nêu trên, đồng thời xây dựng phương án mức thu học phí phù hợp theo quy định để dự thảo Nghị quyết Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đủ điều kiện trình HĐND tỉnh.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:
- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các PGĐ Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NV1.

GIÁM ĐỐC

Ký bởi: Sở Tư pháp
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng
Thời gian ký: 10/06/2022 16:26:44

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH CAO BẰNG

Bàn Thanh Hiền

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 130/BC-SGD&ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 17 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 -2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 125/BCTĐ-STP ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 -2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2), Sở Giáo dục và Đào tạo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định như sau:

STT	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Nội dung đã tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định
2	Tại khoản 3 Điều 3 của dự thảo Quy định *"Mức thu học phí trên áp dụng đối với hình thức học trực tiếp và trực tuyến (online)"*, tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, quy định mức học phí giữa hai hình thức này cho phù hợp, vì mỗi hình thức học có những đặc thù khác nhau	Không tiếp thu với lý do: Trong quá trình dạy trực tuyến (online) có nhiều khó khăn hơn so với dạy trực tiếp như: - Giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, nhà trường tăng cường việc theo dõi, giám sát, quản lý học sinh; - Phải có sự chuẩn bị hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm, giáo viên, nhà trường cần trang bị, đầu tư thiết bị, đường truyền internet; - Giáo viên chuẩn bị bài, giáo án (điện tử) vất vả hơn, phải tăng cường công tác phối hợp với phụ huynh nhiều hơn; khâu quản lý, tổ chức dạy học, đảm bảo chất lượng dạy học của nhà trường khó khăn hơn; - Do điều kiện dạy học online chưa đảm bảo chất lượng như

		dạy học trực tiếp nên sau khi học sinh quay trở lại trường, nhà trường, giáo viên thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập online của học sinh, có thể phải dạy lại và bổ khuyết các kiến thức mà học sinh chưa nắm vững trong quá trình học onlin để đáp ứng yêu cầu của chương trình học, do đó thời lượng dạy học sẽ kéo dài thêm.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 -2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (lần 2).

Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng Sở;
- Lưu: VT; KH.

GIÁM ĐỐC

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH CAO BẰNG

Vũ Văn Dương

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 117/BC-SGD&ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 10 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 -2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 111/BCTĐ-STP ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 -2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Sở Giáo dục và Đào tạo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định như sau:

STT	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Nội dung đã tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định
1	Các mức thu học phí năm học 2022-2023 trong dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở so sánh, đối chiếu với mức thu học phí tại Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh và quy định ở mức thấp nhất (mức sàn) theo khung học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Tuy nhiên, Sở Giáo dục và Đào tạo chưa xây dựng được phương án thu học phí theo theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 81/2021/NĐCP. Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập *"Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề"* do đó,	Sau khi tham dự cuộc họp tại Sở Tư pháp về tư vấn thẩm định dự thảo Nghị quyết, theo ý kiến góp ý của Sở Tài chính. Ngày 08/6/2022 Sở GD&ĐT đã có Công văn số 1007/SGD&ĐT-KH gửi Sở Tài chính về việc cung cấp số liệu tài chính 03 năm 2019-2021 để phục vụ xây dựng phương án giá đối với lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo. Khi có được số liệu tài chính 03 năm Sở GD&ĐT tiến hành xây dựng định mức chi phí giá dịch vụ Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ

	trong trường hợp này, do chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật nên cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tính toán theo mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề để làm cơ sở xác định phương án xây dựng mức thu học phí.	
2	Tại khoản 3 Điều 3 của dự thảo Quy định "Mức thu học phí trên áp dụng đối với hình thức học trực tiếp và trực tuyến (online)", tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định mức học phí giữa hai hình thức này cho phù hợp, vì mỗi hình thức học có những đặc thù khác nhau	Không tiếp thu ý kiến, lý do: Trong quá trình dạy trực tuyến (online) có nhiều khó khăn hơn so với dạy trực tiếp như: Phải có sự chuẩn bị hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm; Giáo viên chuẩn bị bài, giáo án (điện tử) vất vả hơn; phải tăng cường công tác phối hợp với phụ huynh nhiều hơn; khâu quản lý, tổ chức dạy học, đảm bảo chất lượng dạy học của nhà trường khó khăn hơn...sau học trực tuyến các trường vẫn phải tổ chức khảo sát và bổ khuyết kiến thức cho học sinh.
3	Tại số thứ tự thứ 3 mục II khoản 1 Điều 3 dự thảo Quy định có quy định *"Các trường **cấp** trung học phổ thông"* và số thứ tự thứ hai mục III khoản 1 Điều 3 dự thảo quy định *"Các trường trung học phổ thông"* là chưa thống nhất. Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa cho thống nhất.	Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa.
4	tại tên dự thảo Nghị quyết cơ quan soạn thảo cần bổ sung cụm từ "Ban hành" trước cụm từ "Quy định" để thống nhất với Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP	Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, phổ thông công lập chương trình giáo dục đại trà và giáo dục thường xuyên năm học 2022 -2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng Sở;
- Lưu: VT; KH.

GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Dương

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ TÀI CHÍNH

Số 1311/STC-QLG

V/v thẩm định Phương án mức thu học phí đối với lĩnh vực giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 15 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 Sở Tài chính Cao Bằng nhận được công văn số 1046/SGDĐT-KH ngày 14/6/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị thẩm định Phương án mức thu học phí đối với lĩnh vực giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Sau khi nghiên cứu, xem xét nội dung Phương án giá, Sở Tài chính có ý kiến thẩm định như sau:

I. Các căn cứ pháp lý để thẩm định Phương án giá.

- Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

II. Kết quả thẩm định Phương án giá.

1. Đối với phương pháp xây dựng mức thu

Nhất trí theo phương án xây dựng mức thu của Sở Giáo dục và Đào tạo tính toán theo mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21

tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập *"Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề"*.

2. Kết quả thẩm định mức thu

Do các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh đều được ngân sách nhà nước đảm bảo 100% kinh phí nên mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ đưa vào xây dựng mức thu học phí được xác định dựa trên các chi phí thường xuyên phát sinh trong quá trình giảng dạy như: chi phí điện, nước sinh hoạt, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền liên lạc và một phần chi phí nghiệp vụ chuyên môn. Kết quả thẩm định các mức thu học phí bình quân cụ thể như sau:

STT	Mức thu học phí bình quân	Đơn vị trình (đồng/01 học sinh/năm học)	Kết quả thẩm định (đồng/01 học sinh/năm học)	Chênh lệch
1	Giáo dục Mầm non	314.000	308.000	6.000
2	Giáo dục phổ thông (cấp THCS)	308.000	302.000	6.000
3	Giáo dục phổ thông (cấp THPT)	311.000	300.000	11.000

(Chi tiết thẩm định tại 03 phụ lục kèm theo)

Trên cơ sở mức thu học phí bình quân sau khi thẩm định, đề nghị Sở Giáo dục và đào tạo căn cứ theo các mức thu đang thực hiện và điều kiện kinh tế xã hội cũng như khả năng đóng góp của người dân để xây dựng các mức thu cụ thể phù hợp với chất lượng giảng dạy và cơ cấu chi phí cho từng mức.

Trên đây là nội dung thẩm định Phương án mức thu học phí đối với lĩnh vực giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng Sở Tài chính gửi Sở Giáo dục và Đào tạo hoàn thiện Phương án mức thu học phí báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, hoàn thiện hồ sơ Nghị Quyết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, PQLG(D).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH CAO BẰNG

Vương Quang Thiên

Ký bởi: Sở Tài chính
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng

Phụ lục 01

BIỂU THẨM ĐỊNH CHI PHÍ BÌNH QUÂN HỢP LÝ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON

(Kèm theo Công văn số 1311/STC-QLG ngày 15/6/2022 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Nội dung chi phí	Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021			Tổng cộng 03 năm		
		Kinh phí thực hiện	Số học sinh	Chi phí bình quân cho 01 học sinh/năm	Kinh phí thực hiện	Số học sinh	Chi phí bình quân cho 01 học sinh/năm	Kinh phí thực hiện	Số học sinh	Chi phí bình quân cho 01 học sinh/năm	Kinh phí thực hiện	Số học sinh	Chi phí bình quân cho 01 học sinh/năm
I	**CHI PHÍ QUẢN LÝ**	**7.132.278**		**203**	**7.725.037**		**227**	**5.975.629**		**177**	**20.809.244**	**34.247**	**202**
1	Các khoản chi thường xuyên: tiền điện, nước sinh hoạt, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền liên lạc…	7.132.278	35.074	203	7.725.037	34.001	227	5.951.929	33.665	177	20.809.244	34.247	202
II	**CHI PHÍ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN**	**3.848.257**		**110**	**4.450.091**		**131**	**3.064.763**		**75**	**10.828.369**	**34.247**	**105**
1	Các khoản chi phí phục vụ nghiệp vụ chuyên môn	3.848.257	35.074	110	4.450.091	34.001	131	2.530.021	33.665	75	10.828.369	34.247	105
	Tổng cộng I+II+III+IV	**10.980.534**	**35.074**	**313**	**12.175.128**	**34.001**	**358**	**9.040.392**	**33.665**	**252**	**31.637.612**	**34.247**	**308**

Phụ lục 02

BIỂU THẨM ĐỊNH CHI PHÍ BÌNH QUÂN HỢP LÝ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC THCS

(Kèm theo Công văn số 1311/STC-QLG ngày 15/6/2022 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Nội dung chi phí	Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021			Tổng cộng 03 năm		
		Kinh phí thực hiện	Số học sinh	Chi phí bình quân cho 01 học sinh/năm học	Kinh phí thực hiện	Số học sinh	Chi phí bình quân cho 01 học sinh/năm học	Kinh phí thực hiện	Số học sinh	Chi phí bình quân cho 01 học sinh/năm học	Kinh phí thực hiện	Số học sinh	Chi phí bình quân cho 01 học sinh/năm học
I	**CHI PHÍ QUẢN LÝ**	**8.936.835**		**299**	**9.692.944**		**334**	**7.832.674**		**244**	**26.462.453**		**292**
1	Các khoản chi thường xuyên: tiền điện, nước sinh hoạt, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền liên lạc, ...	8.936.835	29.876	299	9.692.944	29.023	334	7.832.674	32.149	244	26.462.453	30.349	292
II	**CHI PHÍ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN**	**377.246**		**13**	**334.678**		**12**	**208.383**		**6**	**920.307**		**10**
1	Các khoản chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác	377.246	29.876	13	334.678	29.023	12	208.383	32.149	6	920.307	30.349	10
	Tổng cộng I+II+III+IV	**9.314.080**	**29.876**	**312**	**10.027.622**	**29.023**	**346**	**8.041.057**	**32.149**	**250**	**27.382.760**	**30.349**	**302**

Phụ lục 03

BIỂU THẨM ĐỊNH CHI PHÍ BÌNH QUÂN HỢP LÝ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC THPT

(Kèm theo Công văn số 1311/STC-QLG ngày 15/6/2022 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Nội dung chi phí	Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021			Tổng cộng 03 năm		
		Kinh phí thực hiện	Số học sinh	Chi phí bình quân cho 01 học sinh/năm học	Kinh phí thực hiện	Số học sinh	Chi phí bình quân cho 01 học sinh/năm học	Kinh phí thực hiện	Số học sinh	Chi phí bình quân cho 01 học sinh/năm học	Kinh phí thực hiện	Số học sinh	Chi phí bình quân cho 01 học sinh/năm học
I	**CHI PHÍ QUẢN LÝ**	**3.747.146**		**269**	**4.546.993**		**316**	**3.939.696**		**260**	**12.233.836**	**14.493**	**282**
1	Các khoản chi thường xuyên: tiền điện, nước sinh hoạt, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền liên lạc...	3.747.146	13.953	269	4.546.993	14.397	316	3.939.696	15.130	260	12.233.836	14.493	282
II	**CHI PHÍ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN**	**345.286**		**25**	**280.207**		**19**	**146.318**		**10**	**771.811**	**14.493**	**18**
1	Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn...	345.286	13.953	25	280.207	14.397	19	146.318	15.130	10	771.811	14.493	18
	Tổng cộng I+II+III+IV	**4.092.432**	**13.953**	**293**	**4.827.200**	**14.397**	**335**	**4.086.015**	**15.130**	**270**	**13.005.647**	**14.493**	**300**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CAO BẰNG

BẢNG THUYẾT MINH GIẢI TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022-2023

Căn cứ Công văn 1311/STC-QLG ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng về việc thẩm định Phương án mức thu học phí đối với lĩnh vực giáo dục mầm non và giáo dục phô thông công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế và khả năng chi trả của người dân, tình hình thực tế tại địa phương đối với từng địa bàn dân cư khu vực thành thị, nông thôn và miền núi, đảm bảo tính hợp lý, tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng trong thực tế đối với Nghị quyết. Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng mức thu và giải trình các mức thu như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/học sinh/tháng

STT	Các trường trên địa bàn	Mức đang thu năm học 2021-2022	Khung quy định tại NĐ81/2021	Mức thu theo chi phí bình quân	Mức thu đề xuất tại dự thảo NQ	Giải trình
I	**Khu vực thành thị**					
1	**Các trường mầm non**					
-	Trường mầm non thuộc các phường và thị trấn các huyện	231	300-540	308	300	Đề xuất mức thu gần sát với mức theo chi phí bình quân đã được thẩm định, đảm bảo phù hợp với mức tối thiểu tại khung quy định tại NĐ81
-	Trường mầm non 1-6 phường Hợp Giang	315			313	Đề xuất mức thu không chênh lệch nhiều so với mức chi phí bình quân và phù hợp với chất lượng giảng dạy và điều kiện cơ sở vật chất của **trường chất lượng cao** đồng thời đảm bảo **mức thu không bị giảm so với mức đang thu**
-	Trường mầm non 3-10 phường Hợp Giang (đạt chuẩn quốc gia)	347			347	Đề xuất mức thu không chênh lệch nhiều so với mức chi phí bình quân và phù hợp với chất lượng giảng dạy và điều kiện cơ sở vật chất của **trường đạt chuẩn quốc gia** đồng thời đảm bảo **mức thu không bị giảm so với mức đang thu**

STT	Các trường trên địa bàn	Mức đang thu năm học 2021-2022	Khung quy định tại NĐ81/2021	Mức thu theo chi phí bình quân	Mức thu đề xuất tại dự thảo NQ	Giải trình
2	**Các trường cấp trung học cơ sở**	126	300-650	302	300	Đề xuất làm tròn mức thu theo chi phí bình quân đã được thẩm định, đảm bảo phù hợp với mức tối thiểu tại khung quy định tại NĐ81
3	**Các trường cấp trung học phổ thông**	126	300-650	300	300	Đề xuất mức thu theo chi phí bình quân đã được thẩm định, đảm bảo phù hợp với mức tối thiểu tại khung quy định tại NĐ82
II	**Khu vực nông thôn**					
-	Các trường mầm non chưa đạt chuẩn	53	100-220	Cơ cấu chi phí bằng 1/3 các trường khu vực thành thị = 308/3 = 102	100	Đề xuất mức thu gần sát với mức theo chi phí bình quân đã được thẩm định, đảm bảo phù hợp với mức tối thiểu tại khung quy định tại NĐ81
-	Các trường mầm non (đạt chuẩn quốc gia)	139			139	Đề xuất mức thu không chênh lệch nhiều so với mức chi phí bình quân và phù hợp với chất lượng giảng dạy và điều kiện cơ sở vật chất của **trường đạt chuẩn quốc gia** đồng thời đảm bảo **mức thu không bị giảm so với mức đang thu**
-	Các trường phổ thông cấp trung học cơ sở	100	100-270	Cơ cấu chi phí bằng 1/3 các trường khu vực thành thị = 302/3 = 100	100	Đề xuất mức thu gần sát với mức theo chi phí bình quân đã được thẩm định, đảm bảo phù hợp với mức tối thiểu tại khung quy định tại NĐ81
-	Các trường cấp trung học phổ thông	200	200-300	Cơ cấu chi phí bằng 2/3 các trường khu vực thành thị = 300x2/3=200	200	Đề xuất mức thu bằng với mức theo chi phí bình quân đã được thẩm định, đảm bảo phù hợp với mức tối thiểu tại khung quy định tại NĐ81
III	**Khu vực miền núi**					

STT	Các trường trên địa bàn	Mức đang thu năm học 2021-2022	Khung quy định tại NĐ81/2021	Mức thu theo chi phí bình quân	Mức thu đề xuất tại dự thảo NQ	Giải trình
-	Các trường mầm non	26	50-110	Cơ cấu chi phí bằng 1/2 các trường khu vực nông thôn = 102/2 = 51	50	Đề xuất mức thu bằng với mức theo chi phí bình quân đã được thẩm định, đảm bảo phù hợp với mức tối thiểu tại khung quy định tại NĐ81
-	Các trường phổ thông cấp trung học cơ sở	50	50-170	Cơ cấu chi phí bằng 1/2 các trường khu vực nông thôn = 100/2 = 50	50	Đề xuất mức thu bằng với mức theo chi phí bình quân đã được thẩm định, đảm bảo phù hợp với mức tối thiểu tại khung quy định tại NĐ81
-	Các trường cấp trung học phổ thông	100	100-200	Cơ cấu chi phí bằng 1/2 các trường khu vực nông thôn = 200/2 = 100	100	Đề xuất mức thu bằng với mức theo chi phí bình quân đã được thẩm định, đảm bảo phù hợp với mức tối thiểu tại khung quy định tại NĐ81